

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày: 17/7/2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Ngọc Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2019/TLST - DS, ngày 19 tháng 12 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2020/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 266-268 N, Phường 8, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Thu H/ Phó phòng kiểm soát rủi ro, theo Văn bản ủy quyền số 3970/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 của bà Nguyễn Đức Thạch D/Tổng giám đốc và Văn bản ủy quyền số 339/GUQ-CNBP ngày 04/9/2019 của ông Dương Ngọc H/ Giám đốc Chi nhánh Bình Phước (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị M, sinh năm 1985.

HKTT: Thôn H(trước là thôn 3), xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2019, quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:** Ngày 27/11/2017 bà Dương Thị M vay Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B số tiền 150.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng số: LD1733100691 ngày 27/11/2017, lãi suất 0,75%/tháng theo dư nợ ban đầu, thời hạn vay 60 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 27/11/2022, không có tài sản thế chấp bảo đảm.

Sau khi nhận đủ tiền vay bà M chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi đến hết ngày 30/11/2018. Từ kỳ trả nợ ngày 01/12/2018 bà M không trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M vẫn không trả nợ; Ngày 09/01/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc và khoản tiền lãi chưa thanh toán sang nợ quá hạn và thường xuyên đôn đốc, nhưng bà M vẫn không thanh toán.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 116.375.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 17/7/2020 là 27.457.736 đồng (lãi trong hạn 9.000.000 đồng, lãi quá hạn 963.240 đồng), tổng cộng là 143.832.736đ và lãi phát sinh sau ngày 17/7/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1733100691 ngày 27/11/2017; Bị đơn phải chịu án phí vụ án. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn chị Dương Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không tham gia làm việc, không gửi ý kiến cho Tòa án, không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn không đến Tòa án để giải quyết và đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bà Dương Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 116.375.000 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 17/7/2020 và lãi phát sinh sau ngày 17/7/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1733100691 ngày 27/11/2017.

+ Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

- Do bị đơn không có mặt nên không có ý kiến tranh luận lại với nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Dương Thị M có hộ khẩu thường trú và hiện nay đang cư trú tại thôn H (trước là thôn 3), xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, thời điểm hai bên ký Hợp đồng tín dụng số LD1733100691 ngày 27/11/2017 thì bà Dương Thị M đang cư trú tại thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước/ Công tác tại Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Mặt khác, khi bị đơn Dương Thị M thôi làm việc tại Trường

Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đ về cư trú tại thôn H xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng không thông báo cho bên có quyền là Ngân hàng TMCP S biết là cố tình dấu địa chỉ, vi phạm khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự.

Hiện nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án, nên Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Các bên ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 116, 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Nguyên đơn là tổ chức tín dụng, bị đơn là cá nhân nên xác định đây là tranh chấp dân sự đã được hai bên ký kết tại Hợp đồng tín dụng số LD1733100691 ngày 27/11/2017.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Dương Thị M có vay Ngân hàng TMCP S số tiền 150.000.000đ, lãi suất 0,75%/tháng theo dư nợ ban đầu, thời hạn vay 60 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 27/11/2022 được thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số: LD1733100691 ngày 27/11/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Dương Thị M chỉ thanh toán được tiền gốc và lãi đến ngày 30/11/2018 là 48.250.000đ, trong đó tiền gốc là 33.625.000đ, tiền lãi là 14.625.000đ. Từ ngày 01/12/2018 bà M ngừng thanh toán cho đến nay. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà M thanh toán nhưng bà M không phản hồi. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M phải trả khoản tiền gốc còn lại là 116.375.000 đồng và 21.375.000đ tiền lãi trong hạn, cùng 6.082.736đ tiền lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh sau ngày 17/7/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1733100691 ngày 27/11/2017 là có căn cứ, đã được thể hiện tại nội dung Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên cần được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nộp,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 26, 35, 40, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nội dung Án lệ số 08/2016/AL; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn Dương Thị M.

Buộc bà Dương Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 116.375.000đồng và 21.375.000đ tiền lãi trong hạn, cùng 6.082.736đ tiền lãi quá

hạn tính đến ngày 17/7/2020, tổng cộng là 143.832.736đ và lãi phát sinh sau ngày 17/7/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1733100691 ngày 27/11/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Buộc bà Dương Thị M phải chịu 7.191.636đ án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.158.456đ theo biên lai thu tiền số 0009940 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

NGUYỄN VĂN HUỆ

